

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **333** /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Hoàng Thị Thoa**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Đặng Như Hùng**

Bà Chu Thị Tuyết

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:*

Bà Vũ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020; Về việc “Không công nhận vợ chồng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020; Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Phương T – Sinh năm 1983

HKTT: A, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hiền N – Sinh năm 1978

HKTT: B, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hiện đang tạm trú tại: C, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa chị T, anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Bùi Thị Phương T trình bày:

Chị và bị đơn là anh Nguyễn Hiền N chung sống với nhau như vợ chồng, được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào tháng 7/2008 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng cả hai anh chị đều không có ý định đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh chị nảy sinh nhiều

mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, cách sống không phù hợp. Mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 3/2018 hai anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ để ở. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh N và đề nghị Tòa án xử không công nhận vợ chồng giữa chị và anh N.

- Về con chung: Chị T xác nhận trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn HL, sinh ngày 19/02/2009 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/6/2010. Anh chị đã thống nhất thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho chị cho đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản, nhà đất ở chung, về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; ngoài ra chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề gì khác.

* Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Hiền N trình bày:

Anh và chị T có tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 7/2008, sau khi cưới xong anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai bên chung sống với nhau đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2018 đến nay. Anh N xác định không còn tình cảm với chị T, nay chị T đề nghị Tòa án xét xử không công nhận vợ chồng, anh N đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh N xác nhận trong thời gian anh và chị T chung sống như vợ chồng, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn HL, sinh ngày 19/02/2009 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/6/2010. Anh chị thống nhất để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T cho đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản, nhà ở chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh N không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 8/6/2020 cháu Nguyễn HL và cháu Nguyễn Minh K đều trình bày nguyện vọng sau khi bố mẹ không còn chung sống với nhau nữa, cả hai cháu muốn ở cùng với mẹ là chị Bùi Thị Phương T.

* Tại phiên tòa.

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án xử không công nhận vợ chồng giữa chị và anh N vì hiện nay anh chị không còn tình cảm với nhau; Chị xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản, nhà ở chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, về các vấn đề khác chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hiền N xác nhận không còn tình cảm với chị T, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và chị T; Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T cho đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản, nhà ở chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh N không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán đã tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Hội đồng xét xử đã tuân thủ nghiêm túc các quy định, thủ tục tại phiên tòa đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự tham gia tranh tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy chị T và anh N mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn và không thể tiếp tục cuộc sống chung được, cả chị T và anh N đều xác định không còn tình cảm với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2018 đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận vợ chồng giữa chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Hiền N. Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn HL, sinh ngày 19/02/2009 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/6/2010 cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con anh N cho đến khi cả hai con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Tại phiên tòa chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Các vấn đề khác không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Phương T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng và giải quyết về con chung với anh Nguyễn Hiền N, đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Bị đơn là anh Nguyễn Hiền N cư trú tại quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Hiền N được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 7/2008. Thời điểm kết hôn cả chị T và anh N đều đủ điều kiện kết hôn tuy nhiên chị T và anh N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chị T anh N nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, cách sống không phù hợp. Từ tháng 3/2018 chị T, anh N không còn sống chung với nhau nữa, mỗi người ở một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh N, anh N cũng đồng ý. Tại phiên tòa chị T, anh N vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày; Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã kéo dài trầm trọng. Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp cần xử không công nhận vợ chồng giữa chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Hiền N.

* Về con chung: Chị T, anh N trong quá trình chung sống như vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn HL, sinh ngày 19/02/2009 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/6/2010. Nay anh chị thống nhất chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, hơn nữa cả hai con đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Chị T hiện tại có công việc thu nhập ổn định, để đảm bảo quyền lợi của các con nên giao cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi cả hai con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh N đóng góp tiền nuôi con, xét đây là sự thỏa thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về tài sản, nhà ở chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Khoản 7 điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/01/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Hiền N.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung là 02 con chung là cháu Nguyễn HL, sinh ngày 19/02/2009 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/6/2010 cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản, nhà ở chung và nợ chung:* Chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Hiền N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về các vấn đề khác:* Chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Hiền N không yêu cầu nên không xét.

5. *Về án phí:* Chị Bùi Thị Phương T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0006950 ngày 18/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T, anh N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thoa